ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 672 /QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 16 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính của Ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 225/TTr-SYT ngày 12 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính của ngành Y tế:

1. Thủ tục hành chính: Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

2. Thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

3. Thủ tục hành chính: Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

4. Thủ tục hành chính: Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

(Có Phụ lục phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời công bố, công khai ngay các thủ tục hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh:
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Hoàng Gia Long

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1.Thủ tục hành chính: Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật

Mã số TTHC cấp tỉnh: 1.001806

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ phần hồ sơ là: *Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở.*

Lý do: Quyết định thành lập hoặc Gấy phép hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh là kết quả của TTHC trước đó *(đã được cập nhật đầy đủ, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp),* cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin trên của cơ sở nộp hồ sơ.

1.2. Lợi ích của việc đơn giản hóa

- Giảm bớt số lượng giấy tờ cần nộp giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ. Nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên công vụ khi không phải kiểm tra quá nhiều giấy tờ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.857.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.972.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 885.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,11%.

1.3. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - TBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn

Mã số TTHC cấp xã: 2.000355

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đứng đầu, nhân viên của cơ sở.*

Lý do: Tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 được sửa đổi bởi Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định: *"Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử*

dụng thẻ CCCD trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ CCCD; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó".

Tại khoản 2 Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương: *"ứng dụng VNeID và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ CCCD và tài khoản định danh điện tử để dần thay các loại giấy tờ công dân" và "không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa theo đúng quy định".*

Theo Đề án 06, các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh đều đã có chức năng khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thay thế cho thẻ CCCD/Căn cước, Sổ hộ khẩu, thông tin nơi cư trú....

2.2. Lợi ích của việc đơn giản hóa

- Giảm bớt số lượng giấy tờ cần nộp giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ. Nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên công vụ khi không phải kiểm tra quá nhiều giấy tờ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.535.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.868.750 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 666.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,69 %.

2.3. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 3, Điều 46, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Thủ tục hành chính: Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn

Mã số TTHC cấp xã: 1.013821

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ 1 yêu cầu thành phần hồ sơ là: *Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu): Giấy chứng minh nhân dân đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú đủ 55 tuổi trở lên đối với nữ và đủ 60 tuổi trở lên đối với nam không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng.*

Lý do: Tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 được sửa đổi bởi Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định: *"Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ CCCD trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ CCCD; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào*

tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó".

Tại khoản 2 Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương: *"ứng dụng VNeID và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ CCCD và tài khoản định danh điện tử để dần thay các loại giấy tờ công dân" và "không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa theo đúng quy định".*

Theo Đề án 06, các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh đều đã có chức năng khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thay thế cho thẻ CCCD/Căn cước, Sổ hộ khẩu, thông tin nơi cư trú....

3.2. Lợi ích của việc đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.982.500 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.535.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 447.500 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,98%.

3.3. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ tiết 1, Điểm c, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

4. Thủ tục hành chính: Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn

Mã số TTHC cấp xã: 1.013822

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng tử của cơ quan có thẩm quyền cấp.*

Lý do: Giấy chứng tử của cơ quan có thẩm quyền cấp là kết quả của TTHC trước đó đã được số hoá, lưu trữ điện tử và được chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu thông tin.

4.2. Lợi ích của việc đơn giản hóa

- Giảm bớt số lượng giấy tờ cần nộp giúp tổ chức, cá nhân tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị và nộp hồ sơ. Tăng hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.535.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.868.750 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 666.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,69%.

4.3. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm b, Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.